

I. VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Vốn đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một vấn đề cực kỳ quan trọng và cấp bách trong cuộc sống hiện nay và nhiều năm tới ở nước ta. Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đảng ta đã chỉ rõ : Chính sách tài chính quốc gia hướng vào việc tạo vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân v.v... Tạo vốn và sử dụng vốn có hiệu quả là những vấn đề đang được chính phủ và ngành ngân hàng đặc biệt quan tâm. Có huy

chuyển dịch theo hướng : Kinh tế quốc doanh vẫn giữ vị trí quan trọng trong các khâu then chốt,... Trong các thành tựu ấy, có phần đóng góp tích cực của ngành ngân hàng. Cơ cấu tín dụng ngân hàng đã tăng dần cho lĩnh vực kinh tế ngoài quốc doanh, trong khi đảm bảo có chọn lọc việc duy trì những doanh nghiệp nhà nước kinh doanh có hiệu quả. Tỷ trọng cho vay các xí nghiệp quốc doanh năm 1991 là 90% và ngoài quốc doanh là 10% thì đến năm 1995 tỷ trọng đó là 58,5% và 41,5%. Lâu nay ngân hàng hoạt động ngắn hạn là chủ yếu. Để phục vụ tốt hơn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngân hàng đã chú ý mở rộng hoạt động trung và

thuật, đổi mới công nghệ, phát triển một số ngành mũi nhọn, tạo nhiều việc làm, xây dựng nhà ở đều do vốn ngân hàng tài trợ. Bên cạnh đó, các ngân hàng thương mại đóng góp tích cực vào việc thực hiện chính sách xã hội của đảng và nhà nước ta như cho người nghèo, sinh viên, đồng bào dân tộc vùng sâu, xa, v.v... vay vốn.

Nhiều công cụ và hình thức huy động vốn đa dạng đã được đưa vào áp dụng trong hệ thống ngân hàng như kỳ phiếu ngân hàng, tiết kiệm xây dựng nhà ở v.v... Nhờ đó, vốn hoạt động của các ngân hàng đã tăng liên tục với tỷ lệ khá cao : Năm 1991 tăng 68%, năm 1992 tăng 19%, năm 1993 tăng 14%, năm 1994 tăng 59% và

MỞ RỘNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỂ THÚC ĐẨY SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PTS. NGUYỄN ĐĂNG DỜN & HOÀNG XUÂN HƯỚNG

động nguồn từ bên ngoài và phát triển nhanh các nguồn vốn trong nước mới có thể đáp ứng được các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo báo cáo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2000 nền kinh tế nước ta cần khoảng 50 tỷ USD, trong khi đó nguồn vốn trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 45% nhu cầu, phần còn lại phải dựa vào đầu tư từ bên ngoài. Như vậy yêu cầu về vốn đầu tư những năm cuối thập kỷ 90 khá nặng, mỗi năm phải có khoảng 8-9 tỷ USD. Đó là những con số đủ để khái quát mức độ thách thức nan giải về tạo vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Có thể nói nguồn vốn cho nền kinh tế do ngành ngân hàng đảm nhiệm cung ứng rất to lớn, ngoài ra còn có các kênh đầu tư tập trung từ ngân sách, nguồn FDI, ODA, từ doanh nghiệp và nhân dân tự huy động đầu tư. Lâu nay, ngân hàng đã có nhiều cố gắng trong khai thác vốn nhàn rỗi trong các doanh nghiệp và nhân dân nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

Công cuộc đổi mới toàn diện trên đất nước ta mở đầu từ đại hội lần thứ VI của đảng, trải qua hơn 10 năm trong hoàn cảnh đầy khó khăn thử thách, đã thu được những thành tựu to lớn : nền kinh tế tăng trưởng, ổn định, cơ cấu kinh tế quốc dân được

dài hạn. Tỷ trọng cho vay ngắn hạn từ 85% và trung hạn 15% (năm 1991) thì đến năm 1994 đã thay đổi 67% và 33% năm 1995, so với năm 1994 dư nợ cho vay ngắn hạn tăng 36,7%, dư nợ cho vay trung dài hạn tăng 26,6%.

Sau đây là cơ cấu tín dụng Ngân hàng qua các năm.

(Đơn vị : %)

Năm	Quốc doanh	Ngoài quốc doanh	Dư nợ vay ngắn hạn	Dư nợ vay trung - dài hạn
1991	90,0	10,0	85,0	15,0
1992	80,0	18,0	84,0	16,0
1993	72,0	28,0	77,0	23,0
1994	65,0	35,0	67,0	33,0
1995	58,0	41,0	75,0	25,0

(Nguồn : NHNNVN quá trình xây dựng và phát triển - nhà xuất bản chính trị quốc gia 1996 trang 338)

Sự tăng trưởng tín dụng vào các định hướng của nền kinh tế quốc dân đã tạo nên cơ cấu tín dụng ngày càng hợp lý, thúc đẩy từng bước sự thay đổi cơ cấu kinh tế.

Cùng với việc mở rộng cho vay đến tất cả các thành phần kinh tế, hệ thống ngân hàng đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển khu vực nông nghiệp và nông thôn, quan tâm đến cho vay khuyến khích xuất khẩu, tăng cường đầu tư một số ngành công nghiệp mũi nhọn như điện tử, cơ khí, năng lượng v.v... Hầu hết các chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ

năm 1995 tăng 32%. Nguồn vốn trong nước được tăng trưởng cùng với nguồn vốn từ nước ngoài là điều kiện cơ bản đã góp phần tích cực tăng đầu tư phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có thể nói vai trò của tín dụng thể hiện qua các mặt sau :

- * Tín dụng là công cụ, đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và điều hành nền kinh tế thị trường.

- + Tăng trưởng kinh tế gắn với mức vốn đầu tư tương ứng bằng các nguồn vốn tích lũy trong nước, vốn từ nước ngoài. Việc huy động các nguồn vốn gắn với vai trò tín dụng ngân hàng :

- Tín dụng ngân hàng góp phần giảm hệ số tiền nhàn rỗi và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong tất cả các thành phần kinh tế thông qua đi vay để cho vay.

- Tín dụng ngân hàng là đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy quá trình mở rộng giao lưu kinh tế quốc tế.

- Tín dụng ngân hàng góp phần tích cực vào việc hình thành và phát triển về mặt vốn cho các công ty, xí nghiệp, tổ chức kinh tế.

- + Việc điều chỉnh nền kinh tế thị trường ở tầm vĩ mô của nhà nước được thực hiện bằng nhiều công cụ, trong đó công cụ tín dụng ngân hàng có ý nghĩa quan trọng : bởi vì thông qua hoạt động tín dụng Ngân hàng, sẽ làm biến đổi điều kiện sản xuất kinh

doanh, dịch vụ của các chủ thể kinh tế theo hướng tối ưu, góp phần làm cho chu kỳ vận động của tiền tệ rút ngắn về thời gian, nâng cao vòng quay của tiền tệ.

* Tín dụng là động lực mạnh mẽ đối với việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ...

- Với tư cách là cầu nối giữa tiết kiệm và đầu tư, tín dụng trở thành động lực kích thích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp và dân cư trong các thành phần kinh tế thực hiện tiết kiệm, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi, phân tán thành nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nhà nước có thể tập trung vốn tín dụng thông qua ngân hàng để đầu tư phát triển nông nghiệp và các ngành kinh tế mũi nhọn nhằm tạo cơ cấu kinh tế hợp lý.

- Tín dụng ngân hàng kích thích và buộc các doanh nghiệp, các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

Như vậy, vai trò tín dụng ngân hàng không chỉ là công cụ, đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế, mà còn là công cụ để nhà nước điều hành và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; là động lực có tác dụng to lớn để hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy nhiên hiện nay tín dụng ngân hàng mới đủ sức đáp ứng khoảng 30% so với nhu cầu đầu tư ở trong nước. Bên cạnh đó chất lượng hoạt động tín dụng chưa cao, tỷ lệ nợ quá hạn có chiều hướng gia tăng. Ở một số nơi, nợ quá hạn đang là một vấn đề nổi cộm và nóng bỏng trong hoạt động tín dụng, trong quá trình thực hiện mở rộng tín dụng không ít các ngân hàng còn đuối theo lợi nhuận phiến diện, cấp tín dụng dưới dạng cho vay trả nợ, một số ngân hàng còn nhiều sơ hở lại thiếu kiểm tra an toàn vốn. Một số cán bộ ngân hàng vi phạm nghiêm trọng chế độ tín dụng, thậm chí cố tình làm sai, lợi dụng sơ hở của cơ chế, chính sách.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những tồn tại và yếu kém do chủ quan gây ra, thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng là: tăng nhanh năng lực đáp ứng nhu cầu to lớn và bức xúc về vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Thủ tướng Phan Văn Khải đã chỉ đạo tại buổi lễ kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Ngân hàng nhà nước Việt Nam: "Nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn tài trợ phát triển của bên ngoài (ODA) tập trung chủ yếu cho chương trình đầu tư công cộng, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Ngoài phần đầu tư trực tiếp của các công ty nước ngoài, vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của nền kinh tế phải dựa vào khai thác nguồn lực của các doanh nghiệp và nhân dân. Trong đó một phần quan trọng được huy động và sử dụng qua thị trường vốn. Thị trường này ở nước ta mới ở bước sơ khai, nên trong thời gian trước mắt ngành ngân hàng có vai trò chủ yếu trong việc huy động mọi nguồn vốn bằng nhiều hình thức và mở rộng việc cho vay vốn ...". Do vậy, việc hoạch định để ra các giải pháp để mở rộng tín dụng thúc đẩy sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa là công việc có ý nghĩa quan trọng.

II. CÁC GIẢI PHÁP MỞ RỘNG TÍN DỤNG ĐỂ THúc ĐẨY SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

- Để phát huy tốt vai trò của tín dụng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng tôi cho rằng cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây:

Một là: Tăng cường công tác huy động vốn bằng nhiều biện pháp và công cụ khác nhau:

- Huy động vốn qua hệ thống ngân hàng là một trong những kênh quan trọng để thực hiện chiến lược huy động vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

* Đối với nguồn vốn trong nước: vốn trong nước có ý nghĩa quyết định "nội lực" của đất nước đang ở dạng tiềm năng lớn. Ngân hàng cần khơi dậy tiết kiệm trong dân, hoàn thiện và phát triển các công cụ huy động gắn với chính sách hợp lý, nhất quán nhằm đảm bảo an toàn và tiện ích, thì chắc chắn vốn sẽ khơi thông và ngày càng nhiều hơn. Trong những năm đến ngân hàng còn phải thừa kế các biện pháp và công cụ truyền thống, vừa phải hoàn thiện và phát triển lớn ở mức độ tiên tiến hiện đại, nhằm thích ứng với tình hình mới. Có thể áp dụng các biện pháp cụ thể sau đây:

+ Hoàn thiện các hình thức huy động tiền gửi tiết kiệm truyền thống của dân cư, gắn với các hình thức động viên như xổ số có thưởng, quà lưu niệm, du lịch, tiết kiệm xây dựng nhà ở, tiết kiệm gắn với bảo hiểm bằng vàng, tiết kiệm gửi một nơi rút được ở nhiều nơi...

+ Đa dạng hóa hơn các công cụ huy động vốn của các ngân hàng thương mại, như kỳ phiếu, trái phiếu...Tùy loại thời hạn thích hợp, có thể 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng, theo nguyên tắc kỳ hạn càng dài lãi suất càng cao.

Tiếp tục huy động có hiệu quả bằng các hình thức, công cụ truyền thống để thu hút vốn ngân hàng, phải



Ảnh Hoa Tấn

tiến hành mở rộng và thường xuyên huy động nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư phát triển nền kinh tế bằng kỳ phiếu, trái phiếu và được phép tự do mua bán, chuyển nhượng trên thị trường. Kinh nghiệm thực tế cho thấy trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang ổn định (Tất yếu còn có những nhân tố chưa thực vững chắc) và tăng trưởng đều, tỷ lệ lạm phát thấp, nếu áp dụng lãi suất linh hoạt, hợp lý, đảm bảo lợi ích của người gửi tiền thì chắc chắn công tác huy động vốn dài hạn đạt hiệu quả rất cao. Lấy Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam làm bằng chứng, năm 1995 Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam đã 1 lần phát hành trái phiếu loại 3 và 5 năm để huy động vốn đầu tư trung và dài hạn, chỉ trong vòng 12 ngày so với kế hoạch đề ra là 2 tháng, đã hoàn thành gấp đôi chỉ tiêu, đạt 200 tỷ VNĐ và 1 triệu USD, từ 20.04.1998 - 20.06.1998 Ngân hàng Đầu Tư Phát Triển Việt Nam được phép của Chính phủ và Thống đốc NHNN tiến hành huy động trái phiếu kỳ hạn 1; 2 và 5 năm với mức lãi suất hợp lý tương ứng với từng kỳ hạn, nên chỉ mới 18 ngày đã huy động được 1.000 tỷ VNĐ trong đó 900 tỷ VNĐ, vốn huy động trong dân cư từ 2 đến 3 năm chiếm 52% tổng số vốn huy động được.

+ Mở rộng các loại dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ thanh toán, sao cho nhanh chóng thuận tiện an toàn với mức phí thỏa đáng được đồng bào nhân dân đồng tình và sử dụng.

Để khuyến khích người gửi, cần nâng cao công nghệ ngân hàng, hiện đại hóa khâu thanh toán tạo cho sự luân chuyển vốn nhanh, thuận tiện, đảm bảo an toàn cho khách hàng quan hệ gửi tiền, rút tiền và vay vốn. Đây là vấn đề không kém phần quan trọng, từ đó sẽ hạn chế việc lưu thông

bằng tiền mặt vừa không hiệu quả, không an toàn bằng việc thực hiện thanh toán chuyển khoản hiệu quả, an toàn. Chúng ta cần phải nâng dần tỷ lệ thanh toán chuyển khoản để thu hút những khoản nhàn rỗi trong nền kinh tế vào hệ thống Ngân hàng.

Bên cạnh việc cải tiến công tác chuyển tiền, thanh toán bù trừ nhanh hiện đại, ngân hàng cần đẩy mạnh hơn nữa việc mở tài khoản tư nhân và phát hành séc cá nhân; dần dần mở rộng và tạo thói quen sử dụng các dịch vụ mới của ngân hàng hiện đại như các loại thẻ thanh toán, thẻ tín dụng, máy rút tiền tự động (ATM), dịch vụ ngân hàng tại nhà...

dụng truyền thống, thị trường nội tệ và ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường tín phiếu kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác để tận dụng các nguồn vốn ngắn hạn của các ngân hàng.

Sớm hình thành thị trường chứng khoán, để những giấy tờ có giá dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu công ty và trái phiếu chính phủ) được chuyển nhượng và mua bán dễ dàng, nhằm biến đầu tư dài hạn thành ngắn hạn và ngược lại. Đây cũng là môi trường và cơ sở thuận lợi để ngân hàng huy động được vốn trung và dài hạn.

Một trong những yếu tố thành công của công tác huy động vốn là

về BHTG dưới dạng công ty hoặc quỹ BHTG đều phải xuất phát mục tiêu là nhằm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, tạo niềm tin cho dân chúng, ngăn chặn sự đổ vỡ đảm bảo an toàn TCTD và cần có sự can thiệp của nhà nước trong việc quản lý điều hành và hỗ trợ vốn khi cần thiết.

* Đối với nguồn vốn bên ngoài :

Vốn ngoài nước hết sức quan trọng để hỗ trợ vốn trong nước. Để thu hút vốn từ bên ngoài cần có môi trường đầu tư hấp dẫn (như tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát được kiểm chế, chính trị và xã hội ổn định, luật pháp hoàn chỉnh...), đồng thời phải biết sử dụng các biện pháp tùy theo đặc điểm các loại vốn và bản thân ngân hàng chứng tỏ được sự an toàn và hấp dẫn để lôi cuốn các đồng vốn đa dạng từ các tổ chức tài chính quốc tế. Đối với nguồn vốn bên ngoài, cần triển khai các biện pháp cụ thể sau:

Một là: Mở rộng quan hệ vay vốn song phương hoặc đa phương với các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế và khu vực dưới nhiều hình thức, trong đó coi trọng hình thức nhận vốn ủy thác và vốn tài trợ thẳng qua NHTM và các tổ chức tài chính nước ngoài.

- Nghiên cứu và áp dụng việc phát hành trái phiếu NHTM ra nước ngoài, đảm bảo khả năng thanh toán vốn và lãi cho trái phiếu để củng cố niềm tin và phát triển.

- Phát triển dịch vụ kiều hối và dịch vụ thu hút ngoại tệ khác thuận lợi phù hợp với chính sách quản lý ngoại hối của Chính phủ.

Hai là: Thực hiện mở rộng tín dụng cho tất cả các ngành nhất là các ngành nông nghiệp, các ngành mũi nhọn và các ngành sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, mở rộng tín dụng cho các thành phần kinh tế, tiếp tục cải biến ngân hàng, vốn là của các doanh nghiệp quốc doanh thành ngân hàng của toàn dân, theo cơ chế kinh tế nhiều thành phần, ngân hàng đã và sẽ mở rộng tín dụng đến mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các hộ nông dân (hiện nay dư nợ cho vay kinh tế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lên đến 41,5% tổng dư nợ).

Theo kinh nghiệm các nước trong khu vực đối với nền kinh tế đang phát triển và đang ở giai đoạn tăng trưởng cao, thì tốc độ tăng tín dụng hàng năm giữ ở mức 24% - 30% là hợp lý, và theo các hướng chính sau:

- Mở rộng tín dụng phù hợp phục vụ cho tăng trưởng kinh tế và có sự điều chỉnh cơ cấu theo 3 hướng:

+ Chú trọng tăng tỷ trọng đầu tư vốn trung dài hạn trên cơ sở tăng tỷ trọng vốn huy động trung dài hạn, nhằm góp phần tạo ra cơ sở hạ tầng

Ảnh Hòa Tấn



Để mở rộng hình thức huy động vốn vào ngân hàng, bên cạnh việc tổ chức tốt bộ máy của hệ thống ngân hàng thương mại, chúng ta cần phải phát triển thêm các mạng lưới ngân hàng trên khắp cả nước, từ thành thị đến nông thôn, từ trung ương đến địa phương. Hình thành các mạng lưới ngân hàng thương mại hoạt động trong các ngành, các lĩnh vực công nghiệp, nông lâm nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Nếu chúng ta tổ chức được bộ máy hợp lý sẽ khai thác được các nguồn lực nhàn rỗi và có điều kiện phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, hình thành thị trường ở các vùng này thông qua tổ chức mạng lưới ngân hàng rộng khắp sẽ giúp cho các địa phương có sản xuất quảng canh, du cư chuyển sang sản xuất hàng hóa, góp phần ổn định đời sống và tăng tích lũy xã hội, từ đó các nguồn vốn nhàn rỗi ngày càng tăng trưởng và phát triển.

+ Phát triển thị trường vốn để thu hút vốn :

Hoàn thiện và mở rộng thị trường tiền tệ gồm : thị trường tín

thực hiện bảo hiểm tiền gửi. Bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần duy trì sự an toàn và ổn định của các tổ chức tín dụng. Bảo hiểm tiền gửi đã xuất hiện từ lâu dưới dạng công ty bảo hiểm tiền gửi (BHTG) và quỹ BHTG. Trên thế giới, nhiều nước như Mỹ, Đức, Canada... thành lập công ty BHTG hoạt động độc lập, có luật riêng trong việc BHTG cho các tổ chức tín dụng với phạm vi nhất định và có quyền yêu cầu các TCTD tham gia bảo hiểm thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa rủi ro và được kiểm tra bởi các TCTD. Bên cạnh công ty BHTG, các quỹ BHTG cũng đã hình thành trên cơ sở đóng góp của các thành viên là các TCTD: Quỹ BHTG là tài sản chung của các TCTD thành viên, và thông qua đó các thành viên kiểm tra lẫn nhau để đảm bảo an toàn chung, nhưng quỹ không phải là pháp nhân nên có sự xung đột quyền lợi giữa những thành viên và có nhiều hạn chế trong việc giám sát rủi ro của các TCTD.

Ở Việt Nam, cần sớm có qui chế

và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

+ Mở rộng tín dụng theo cơ chế kinh tế nhiều thành phần, ưu tiên vốn cho dự án có hiệu quả; vừa chú ý phát triển kinh tế, vừa quan tâm đến mục tiêu xã hội như cho vay xoá đói giảm nghèo, cho vay tạo công ăn việc làm ở đô thị, cho vay làm nhà ở, cho vay sinh viên, cho vay nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học.

+ Mở rộng tín dụng theo hướng chuyển dịch cơ cấu các vùng kinh tế, vốn ngân hàng tiếp tục đầu tư các vùng có ý nghĩa chiến lược, và có tác dụng khai thác tiềm năng từng vùng, nhất là vùng nông thôn rộng lớn và các sản phẩm xuất khẩu khu ngoại tệ.

- Mở rộng tín dụng cho phát triển nông nghiệp nông thôn nhằm tăng sản lượng lương thực quốc gia, đảm bảo an toàn lương thực, có xuất khẩu đồng thời tín dụng nhằm đa dạng hoá các loại cây trồng vật nuôi, mở mang công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, khôi phục các làng nghề, ngành nghề truyền thống.

Vốn tín dụng không dàn trải mà tập trung cho những ngành những khâu then chốt của nông nghiệp và kinh tế nông thôn mà tài chính nhà nước không có đủ điều kiện đầu tư, đồng thời phát huy thế mạnh của kinh tế vùng, tiểu vùng để hướng đầu tư vào các chương trình kinh tế xã hội như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, miền đông Nam bộ và các chương trình ngành như cao su, cà phê, mía, đường, dâu tằm, bông sợi,...

Phát triển cho vay kinh tế hộ nông thôn gắn với các hình thức đầu tư như cho vay xây dựng nhà ở, cho vay xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn mà nhà nước không có khả năng đảm trách, thủy lợi nội đồng; Hệ thống kênh mương cấp: 3, 4, 5; đường giao thông nông thôn, xóm, ấp; diện cho sản xuất và sinh hoạt của hộ nông dân; cho vay theo mô hình kinh tế trang trại, tiểu điền,...

- Mở rộng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng.

- Khuyến khích các NHTM chủ động tìm kiếm dự án, khách hàng; tập trung vốn vào các chương trình dự án kinh tế khả thi theo vùng, khu vực, ngành kinh tế; tăng dự nợ lành mạnh, đảm bảo an toàn vốn, thu hồi được vốn để tiếp tục cho vay.

"Cải tiến chế độ tín dụng đáp ứng được yêu cầu quản lý vốn vay an toàn và hiệu quả cao hơn. Trong đó, chú ý những nội dung lớn như: Tăng trưởng tín dụng gắn với khả năng thu hồi nợ, thời hạn vay tùy thuộc vào đối tượng vay và khả năng tạo nguồn, thế chấp tùy mức độ tín nhiệm của người vay, phương pháp và điều kiện cho vay, hồ sơ thủ tục, mức vay đáp ứng

theo nhu cầu đối tượng vay vốn, đặc biệt đối với nông dân cần gọn nhẹ và tiện lợi hơn. Cải tiến chế độ tín dụng cần gắn với đối tượng vay thích hợp như doanh nghiệp, hộ sản xuất, ngành nghề,..."

- Mở rộng tín dụng gắn với các giải pháp đảm bảo an toàn tín dụng, như hoàn thiện hành lang pháp lý, củng cố sắp xếp lại hệ thống NHTM, trước hết là các NHTM cổ phần, cải tiến chế độ tín dụng, nâng cao vai trò chủ đạo của NHTM quốc doanh, tăng cường công tác thanh tra của ngân hàng nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý ngoại hối, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ ngân hàng...

Ba là: Mở rộng tín dụng trung và dài hạn nhằm góp phần tạo cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh công nghiệp hoá, phần đầu đến năm 2000 đưa tỷ trọng đầu tư trung và dài hạn chiếm 35 - 40% tổng đầu tư của các ngân hàng (hiện nay 25%). Trên cơ sở tính toán kỹ khả năng thực thi của dự án, ngân hàng tiến hành đầu tư dài hạn để doanh nghiệp mua thiết bị, máy móc, xây dựng nhà xưởng, khi dự án đưa vào sản xuất sử dụng thực hiện cho vay ngắn hạn để sản xuất sản phẩm. Đây là phương pháp đầu tư khép kín thực hiện rất có hiệu quả trong hệ thống ngân hàng ĐT - PT Việt Nam trong những năm qua. Trường hợp dự án có vốn đầu tư quá lớn, vượt quá khả năng của một ngân hàng và để chia sẻ bớt rủi ro trong tương lai, các ngân hàng thực hiện đồng tài trợ (cho vay hợp vốn).

Bốn là: Đẩy mạnh cho vay theo chương trình, dự án: Chuyển phương thức cho vay truyền thống hiện nay sang cho vay theo chương trình dự án, trong đó cần tập trung đầu tư chương trình lương thực, chương trình thủy hải sản, chương trình phát triển cây công nghiệp dài ngày, chương trình cải tạo vườn tạp, chương trình khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. Ngoài ra cần tiếp tục mở rộng qui mô đầu tư theo theo quan hệ cung cầu trên thị trường để phát triển các loại cây con, ngành nghề phù hợp.

Trong từng dự án đầu tư, còn tuân thủ nghiêm ngặt các bước thẩm định để chọn lựa dự án khả thi, như thẩm định tư cách người vay, thẩm định và đánh giá kỹ thuật bao gồm sự mô tả và phân tích các vấn đề về tiến trình sản xuất, tài sản cố định và phương tiện, các yếu tố về môi trường, thẩm định phương tiện thị trường, thẩm định đánh giá nguồn nhân lực, thẩm định về phương diện tài chính, đánh giá lợi ích kinh tế xã hội do dự án mang lại.

Năm là: Đa dạng hoá hình thức cho vay: các NHTM sẽ cung cấp cho thị trường những sản phẩm mới. Cơ sở của sản phẩm ngân hàng mới là các hình thức hoạt động ngày càng đa dạng của các doanh nghiệp, cũng như của các tiến bộ nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ ngân hàng. Những năm tới, cả hai cơ sở này đều có cơ hội phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, các hình thức tài trợ vốn và dịch vụ ngân hàng không còn giới hạn trong các nghiệp vụ truyền thống và sẽ sử dụng các nghiệp vụ mới như: bảo lãnh, tín dụng thuê mua, tín dụng hợp vốn, nghiệp vụ bán buôn, nghiệp vụ thị trường hối đoái (mua bán trao ngay hoặc có kỳ hạn)...

Việc đẩy mạnh hoạt động tín dụng thuê mua nhằm giúp các doanh nghiệp không ngừng đổi mới thiết bị kỹ thuật, cạnh tranh và đứng vững được trong cơ chế thị trường ngày càng sôi động.

Sáu là: Bên cạnh việc mở rộng tín dụng, phải tăng cường công tác thanh tra kiểm soát trong nội bộ hệ thống ngân hàng để thực hiện tốt chính sách đầu tư, đảm bảo vốn được sử dụng đúng mục đích có hiệu quả cao, đảm bảo cho hoạt động ngân hàng vừa tuân thủ pháp luật, vừa góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội.

Bảy là: Đối với các công ty xí nghiệp, tổ chức kinh tế cần tận dụng sự hỗ trợ tối đa của tín dụng ngân hàng, trên cơ sở xây dựng dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh gắn với thị trường, đủ thông tin để thuyết trình với ngân hàng, chứng minh tính khả thi và độ chắc chắn trong dự án: đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất hoặc phương án sản xuất kinh doanh ngắn hạn trong sự tương quan với thực lực tài chính của mình để vốn vay phát huy được hiệu quả, đảm bảo hoàn trả vốn ngân hàng có gốc và lãi đúng hạn, tăng sản phẩm cho xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi các nhu cầu về vốn vô cùng to lớn, đòi hỏi này đặt lên vai hệ thống tài chính ngân hàng một gánh nặng mà không một ngành nào có thể thay thế được, đó là việc tổ chức và tạo nguồn vốn để thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Nếu chúng ta gấp rút triển khai các giải pháp nói trên, riêng trong lĩnh vực tín dụng, thì cũng có thể góp phần không nhỏ cho việc thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước ■